TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **88/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21/12/2022.
V/v: *"Xin ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Phương Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Chung Kim Sang.

2. Ông: Nguyễn Quốc Tiến.

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Hồng Diễm** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 278/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

***** Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thụy Thanh H**, sinh năm: 1980. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 123/6 đường Chu Văn An, khu phố 3, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

***** Bị đơn: Ông **Hồ Nhựt T**, sinh năm: 1980. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 27/5 đường Ngô Quyền, khu phố 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Thanh H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thụy Thanh H và ông Hồ Nhựt T tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau vào năm 1998, nhưng không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung. Bà H và ông

T đã hàn gắn nhiều lần nhưng không thành và đã sống ly thân từ năm 2005 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà H xác nhận giữa bà và ông T quá trình chung sống có 01 người con chung tên Hồ Nhựt T2, sinh ngày 27/4/1998, đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác nhận giữa bà và ông T không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Thanh H vẫn giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày.

** Tại Biên bản hòa giải ngày 07/12/2022 và Bản tự khai đề ngày 07/12/2022, bị đơn ông Hồ Nhựt T trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông T xác nhận nội dung trình bày của bà H về vấn đề hôn nhân và mâu thuẫn trong hôn nhân là đúng. Nay thấy rằng tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn được nên ông T đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông T xác nhận giữa ông và bà H quá trình chung sống có 01 (một) người con chung tên Hồ Nhựt T2, sinh ngày 27/4/1998, đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, nên ông T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác nhận giữa ông và bà H không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Hồ Nhựt T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Nguyễn Thụy Thanh H khởi kiện xin ly hôn với ông Hồ Nhựt T có địa chỉ tại số 27/5 đường Ngô Quyền, khu phố 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điêm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Hồ Nhựt T đã được Tòa án triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, tuy nhiên ông T cũng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3

Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thụy Thanh H và ông Hồ Nhựt T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, nhưng không có tổ chức lễ cưới và từ thời điểm chung sống với nhau cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, do tính tình vợ chồng không hợp, không cùng quan điểm sống, tình trạng vợ chồng mâu thuẫn và căng thẳng kéo dài, cuộc sống chung không thể tiếp tục và đã ly thân từ năm 2005 cho đến nay, ngoài ra không còn nguyên nhân nào khác. Tại phiên tòa, bà H khẳng định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*".

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*". Do đó, Hội đồng xét xử nhận định mối quan hệ giữa bà H và ông T là không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và là hôn nhân không hợp pháp.

[4] *Về con chung:* Bà Nguyễn Thụy Thanh H và ông Hồ Nhựt T đều thống nhất xác nhận quá trình chung sống giữa ông bà có 01 (một) người con chung tên Hồ Nhựt T2, sinh ngày 27/4/1998, đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, ông T và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Nguyễn Thụy Thanh H và ông Hồ Nhựt T đều thống nhất xác nhận quá trình chung sống giữa ông bà không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ kiện này. Nếu các bên có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Nguyễn Thụy Thanh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thụy Thanh H và ông Hồ Nhựt T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thụy Thanh H và ông Hồ Nhựt T thống nhất xác nhận quá trình chung sống giữa ông bà có 01 (một) người con chung tên Hồ Nhựt T2, sinh ngày 27/4/1998, đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, ông T và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thụy Thanh H và ông Hồ Nhựt T đều thống nhất xác nhận quá trình chung sống giữa ông bà không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ kiện này. Nếu các bên có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thụy Thanh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000186 ngày 27/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Bà Nguyễn Thụy Thanh H đã nộp đủ án phí phải nộp.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/12/2022). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

*** Nơi nhận:**
- VKSND TP. Rạch Giá;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THSDA TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa